

Số: 30/BC-HĐND

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO THẨM TRA

Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về việc ban hành một số quy định thu phí,
lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền
quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố
(Ban Kinh tế -Ngân sách trình HĐND Thành phố khóa XV, kỳ họp thứ 15)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Căn cứ quy định của Luật, thực hiện phân công của Thường trực HĐND Thành phố, Ban Kinh tế -Ngân sách đã chủ trì phối hợp với các Ban HĐND Thành phố tổ chức thẩm tra Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 30/6/2020 và dự thảo Nghị quyết ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND do UBND trình tại kỳ họp thứ 15 HĐND Thành phố khóa XV. Ban Kinh tế -Ngân sách báo cáo HĐND Thành phố ý kiến thẩm tra như sau:

I. Về những vấn đề chung

1. Ngày 29/11/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thay thế Thông tư 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016. Trên cơ sở quy định của Thông tư mới (cơ bản vẫn kế thừa các quy định đang thực hiện), UBND Thành phố rà soát và hệ thống hóa các quy định về phí do HĐND Thành phố đã ban hành là cần thiết.

Theo quy định Thông tư 85/2019/TT-BTC và thực tiễn của Thành phố, UBND Thành phố đã tiến hành rà soát, tổng hợp có **22 khoản phí, lệ phí** đề xuất quy định giữ nguyên theo quy định hiện nay và **03 khoản phí, lệ phí đề xuất sửa đổi, bổ sung** và **01 khoản phí đề nghị bãi bỏ**. Các nội dung UBND trình HĐND Thành phố theo đúng thẩm quyền.

2. Hồ sơ UBND trình gồm tờ trình, dự thảo Nghị quyết của HĐND kèm theo danh mục các khoản phí, lệ phí. Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

II. Về những vấn đề cụ thể

1. Ban thống nhất một số nội dung UBND trình gồm:

II. Về những vấn đề cụ thể

1. Ban thống nhất một số nội dung UBND trình gồm:

a. Phạm vi, đối tượng áp dụng, đối tượng miễn giảm, quản lý và sử dụng phí như UBND Thành phố trình là tuân thủ theo đúng quy định của Luật và Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính.

b. 14 khoản phí¹ và 04 khoản lệ phí² thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố; 02 khoản phí và 02 khoản lệ phí³ theo quy định của các Nghị định, Thông tư của Bộ Tài chính giao HĐND Thành phố quy định không thay đổi, mức thu giữ nguyên như các quy định hiện hành của Thành phố đang thực hiện (tại các Nghị quyết của HĐND Thành phố⁴).

c. Các khoản phí, lệ phí đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu theo Thông tư 85/2019/TT-BTC.

(1) Thống nhất bãi bỏ phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết do Thông tư số 85/2019/TT-BTC không quy định nội dung này.

(2) Phí sử dụng tạm thời lòng, hè phố: Ban KTNS thống nhất đối tượng thu theo quy định tại Thông tư 85/2019/TT-BTC⁵.

(3) Lệ phí hộ tịch: Thống nhất đối tượng miễn giảm lệ phí hộ tịch⁶; cụ thể hóa tên một số nội dung thu ở cấp xã (mức thu không thay đổi so với quy định hiện nay); bổ sung mức thu phí hộ tịch thực hiện tại UBND cấp huyện theo quy định của Thông tư 85/2019/TT-BTC (đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ)⁷.

¹ (1) Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng trồng; (2) Phí tham quan; (3) Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở ngoại giao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp; (4) Phí thư viện; (5) Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; (6) Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung; (7) Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; (8) Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác sử dụng nước dưới đất; (9) Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; (10) Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng mặt nước; (11) Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi; (12) Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; (13) Phí cung cấp thông tin về giao dịch đảm bảo; (14) Phí đăng ký giao dịch bảo đảm.

² (1) lệ phí đăng ký cư trú; (2) Lệ phí cấp phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; (3) Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; (4) Lệ phí cấp giấy phép xây dựng.

³ (1) Lệ phí trước bạ lần đầu đối với xe ô tô từ 9 chỗ trở xuống; (2) Lệ phí cấp mới giấy đăng ký kèm biên số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; (3) Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; (4) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

⁴ Tại Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016; số 02/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017; số 10/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017; số 09/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018.

⁵ Quy định tại Nghị quyết 20/2016/NQ-HĐND: “Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.... vào mục đích sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh... sử dụng lòng đường, hè phố”. Nay điều chỉnh theo Thông tư 85/2019/TT-BTC: “Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.... theo quy định của pháp luật... sử dụng lòng đường, hè phố”.

⁶ Quy định chung đối tượng miễn giảm (cả cấp huyện và cấp xã), Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND chỉ quy định đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ; đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước, thực hiện tại cấp xã.

⁷ Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn thực hiện ở cấp huyện bằng 50% mức thu đăng ký khai sinh, khai tử không đúng hạn (25.000 đồng/ việc), như quy định của các nội dung hộ tịch khác. Đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ mức thu 50.000 đồng/ việc bằng mức thu như việc đăng ký hộ tịch khác.

quy định tại Thông tư 85/2019/TT-BTC (mức thu áp bằng mức thu cấp Giấy chứng nhận đăng ký, cung cấp thông tin về đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang thực hiện).

(d) 02 khoản phí và lệ phí chưa ban hành do không phát sinh trên địa bàn: (1) Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; (2) Lệ phí cấp chứng minh nhân dân (do hiện nay không cấp CMND mà chỉ cấp thẻ căn cước công dân, mức thu lệ phí cấp thẻ căn cước thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính).

2. Một số nội dung cần bổ sung, thuyết minh, làm rõ để HĐND Thành phố có thêm thông tin quyết định:

(1) Đánh giá tác động của việc điều chỉnh, bổ sung các loại phí này (mặc dù hầu hết các quy định như cũ và có thay đổi không nhiều); ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan và người dân trong quá trình công khai lấy ý kiến trên trang thông tin điện tử theo quy định.

(2) Quan tâm đến công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận của nhân dân trong tổ chức thực hiện thu phí, lệ phí.

II. Về dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại báo cáo số 142/STP-VBPQ ngày 25/6/2020. Ban KTNS cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết.

Ban đề nghị điều chỉnh quy định liên quan đến Phí sử dụng tạm thời lòng đường hè phố (tại khoản 19, mục A, danh mục phí kèm theo Nghị quyết) để đảm bảo logic trong sắp xếp các nội dung, cụ thể: chuyển mục IV trong điểm b - biểu quy định về Mức thu sang điểm a - Đối tượng thu phí.

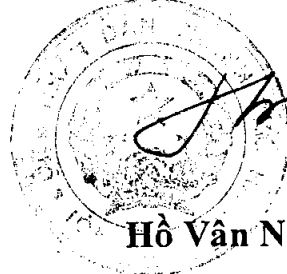
Trên cơ sở giải trình, tiếp thu của UBND Thành phố và ý kiến phát biểu của đại biểu HĐND, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND Thành phố thông qua Nghị quyết ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Ban Kinh tế -Ngân sách kính trình HĐND Thành phố.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- UBND Thành phố;
- VP HĐND TP;
- Cục Thuế Hà Nội;
- Lưu: VT, Ban KTNS.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN



Hồ Văn Nga